

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PRODUCTION MACHINECAL INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108133446

3. Ngày thành lập: 15/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 71 Cổ Bi, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02432665179

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
3.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
4.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
5.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
6.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
7.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
8.	Sản xuất máy luyện kim	2823
9.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
10.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
11.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
14.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
15.	Sản xuất đồng hồ	2652
16.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
17.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
19.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

20.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
21.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
22.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
23.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
24.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
27.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
28.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
29.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
30.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
32.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
33.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
34.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
35.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
36.	Sản xuất pin và ắc quy	2720

37.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
38.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
39.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
40.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
41.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
42.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
43.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
44.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
45.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
46.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
47.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
48.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
49.	In ấn	1811
50.	Sản xuất than cốc	1910
51.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
52.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
54.	Đúc sắt, thép	2431
55.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
56.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
57.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
58.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
59.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
62.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
63.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
64.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
65.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
66.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
67.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
68.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
69.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
70.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817

71.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
72.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
73.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
74.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
75.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4511
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
77.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
78.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
79.	Đúc kim loại màu	2432
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
81.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
82.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
83.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
84.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
85.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
86.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

6. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TUỐC	P711-CT3 KĐT Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	50,000	024083000054	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	50,000		
2	TRẦN ANH TUẤN	P17A4 TT Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	30,000	019080000129	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	30,000		
3	LÊ VĂN VŨ	Thôn Năng Tĩnh, Xã Nam Chính, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	20,000	151489259	
			Tổng số	80.000	800.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TUỐC

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *30/08/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *024083000054*

Ngày cấp: *23/05/2014*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P711-CT3 KĐT Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P711-CT3 KĐT Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội